

Bản án số: 59/2019/HS-ST
Ngày 12/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Trường và ông Vũ Văn Chiếm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thủy Quyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/HSST-QĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

*** Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Tr, xã A, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Xuân T và con bà Trần Thị Th; có vợ là Phạm Thị H (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giam từ ngày 06/3/2019, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

*** Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1979. Địa chỉ: Phố Nh, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 45 đường Ô, phường H, thành phố Hưng Yên.

3. Anh Đào Đình Th, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số nhà 93, đường L, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

4. Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà 9/44 Đường Th, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số nhà 41 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

6. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số nhà 07, đường Q, phường S, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Khương D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Lê Quý Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Th, xã A, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thúy L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà 32- Phố Tr, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T nguyên là cán bộ Phòng An ninh đối nội - Công an tỉnh H (xuất ngũ ngày 22/02/2019). Do cần tiền tiêu sài cá nhân, nên khoảng 01 giờ ngày 23/02/2019, T vào nhà vệ sinh nữ tầng 08 thay trang phục, sử dụng mũ len, tay đeo tất, khẩu trang ... leo trèo theo hộp kỹ thuật từ tầng 08 lên tầng 10, rồi tiếp tục đi theo cầu thang bộ lên tầng 12, kiểm tra hệ thống khóa cửa, ô thoáng cửa sổ các phòng làm việc mục đích để trộm cắp tài sản nhưng không phát hiện sơ hở nên không trộm cắp được tài sản gì, T tiếp tục leo trèo theo hộp kỹ thuật từ tầng 12 xuống tầng 08 thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh H phát hiện, kiểm tra lập biên bản. Quá trình điều tra làm rõ T đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ sáng ngày 25/8/2018, T mặc quần an ninh, áo cộc tay màu trắng, đeo khẩu trang y tế, đội mũ lưỡi trai (*đội ngược*), tay đeo tất và chân đi giày da màu đen do ngành Công an cấp phát, đi theo lối cầu thang bộ từ phòng ngủ của Tuyên ở tầng 8 xuống tầng 3. Tại đây, T sử dụng chiếc chìa khóa đã nhặt được ở sân cơ quan từ trước cắm vào ổ khóa cửa phòng làm việc của chị Nguyễn Thị S (*Phòng 3.13*), đi vào trong phòng, T bật đèn pin của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen để soi, lục soát tài sản và lấy trộm được số tiền 4.690.000đ (*bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn*). Sau đó T khóa cửa phòng 3.13 rồi đi về phòng ngủ của T. Số tiền này T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ sáng ngày 22/9/2018, cũng với thủ đoạn tương tự như trên, T dùng chìa khóa mở cửa đột nhập vào phòng làm việc của anh Nguyễn Xuân H (*Phòng 12.09*), vào trong phòng T lấy chìa khóa trên bàn làm việc của anh H mở tủ và lấy trộm được 14.000.000đ (*mười bốn triệu đồng*). Số tiền này T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Lần thứ ba: Khoảng 02 giờ ngày 07/10/2018, cũng với thủ đoạn tương tự như trên, T dùng chìa khóa mở cửa đột nhập vào phòng làm việc của anh Đào Đình Th (*Phòng 4.04*), vào trong phòng T lấy chìa khóa để ở ngăn trên cùng của giá nhựa đựng tài liệu giấy tờ trên bàn làm việc của anh Th mở tủ và lấy trộm

được 120.914.000đ (*một trăm hai mươi triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng*). Sau khi trộm cắp được, T đã trả nợ cho anh Lê Khương D hết 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*), số tiền còn lại T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Lần thứ tư: Trong khoảng thời gian từ 01 đến 02 giờ sáng ngày 12/11/2018, cũng với thủ đoạn tương tự như trên, T tiếp tục đột nhập vào phòng làm việc của chị Nguyễn Thị S (*Phòng 3.13*) và lấy trộm được 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) để trong túi trong tủ gỗ. Số tiền này, T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Lần thứ năm: Khoảng 02 giờ sáng ngày 12/01/2019, T mặc quần áo an ninh dài tay, đeo khẩu trang y tế, tay đeo tất và chân đi giày da màu đen do ngành Công an cấp phát, leo trèo theo hộp kỹ thuật từ tầng 08 xuống tầng 06 rồi tiếp tục đi theo cầu thang bộ xuống tầng 03. T đã sử dụng chiếc chìa khóa trên cắm vào ổ khóa mở cửa phòng làm việc của chị Nguyễn Thúy H (*Phòng 3.17*), đi vào bên trong phòng lấy chiếc kéo trên bàn dùng mũi kéo cạy tủ và lấy trộm được 128.330.000đ (*một trăm hai tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*) để trong hộp trà lipton và phong bì. Sau khi trộm cắp được số tiền trên, T đã trả nợ cho anh Lê Quý Đ hết 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*), số tiền còn lại T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Lần thứ sáu: Khoảng 01 giờ sáng ngày 26/01/2019, T mặc quần áo an ninh dài tay, đeo khẩu trang y tế; tay đeo tất và chân đi giày da màu đen do ngành Công an cấp phát, leo trèo theo hộp kỹ thuật từ tầng 08 lên tầng 10, xong T trèo ra ngoài, đi theo giá đỡ máy điều hòa nhiệt độ, đột nhập qua ô thoáng cửa sổ vào trong phòng làm việc của anh Nguyễn Văn N (*Phòng 10.01*) lục soát và lấy trộm được 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*) ở trong 02 chiếc phong bì kẹp trong quyển sổ để trên bàn làm việc. Số tiền này T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Lần thứ bảy: Khoảng 02 giờ sáng ngày 26/01/2019, T mặc quần áo an ninh dài tay, đeo khẩu trang y tế, tay đeo tất và chân đi giày da màu đen do ngành Công an cấp phát, leo trèo theo hộp kỹ thuật từ tầng 08 xuống tầng 06 rồi dùng chiếc tuốc nơ vít mang theo cạy cửa, đột nhập vào phòng làm việc của anh Lê Văn Tr (*Phòng 6.01*) và lấy trộm được 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) ở trong chiếc cặp để trên bàn làm việc. Số tiền này T đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Tại Bản kết luận giám định số 128/PC09 ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H đối với 01(*một*) vỏ phong bì bên ngoài ghi “*Công an tỉnh H - Phòng tổ chức cán bộ - Đ/c Đào Đình Th - PTP lương T10/2018: 13.914.000đ*”; 01(*một*) tờ giấy khổ A4 màu trắng, kết luận: *Không phát hiện dấu vết đường vân trên các mẫu vật gửi giám định.*

Tại Bản kết luận giám định số 1315/C09-P6 ngày 01/4/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đối với 01 (*một*) chiếc USB bên trong lưu đoạn video ghi lại hình ảnh 01 nam thanh niên đột nhập vào phòng làm việc của anh Th để lục lọi đồ đạc, tài sản vào khoảng 02 giờ 30 ngày 07/10/2018, kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung các tệp video gửi giám định;

- Kèm theo Kết luận giám định có: 01(một) Bản ảnh giám định (gồm 04 trang giấy khổ A4);

Về vật chứng thu giữ:

Khám nghiệm hiện trường thu giữ:

- Tại phòng 4.04: 01(một) vỏ phong bì bên ngoài ghi “*Công an tỉnh H - Phòng tổ chức cán bộ - Đ/c Đào Đình Th - PTP lương T10/2018: 13.914.000đ*”; 01(một) tờ giấy khổ A4 màu trắng;

- Tại phòng 3.17: 01(một) vỏ phong bì màu trắng ghi chữ “*Đảng ủy Công an tỉnh H*” có kích thước (22,5x6)cm; 01(một) chiếc hộp bằng kim loại in chữ Lipton có kích thước (15x09x06)cm.

Thu giữ của Nguyễn Ngọc T:

- 01(một) chiếc áo sơ mi kẻ dài tay sáng màu, trong thân áo có mác in chữ Robert stock; 01(một) chiếc quần dài màu xanh (*quần của lực lượng Cảnh sát nhân dân*); 01(một) đôi tất màu xanh (*tất ngành Công an*); 01(một) đôi giày da màu đen, trong giày có in mác có chữ “*Công ty 19-5 BCA SX năm 2017*”; 01(một) đôi giày da màu đen có mác Savato Fashion; 01(một) chiếc quần dài (*quần của Lực lượng an ninh nhân dân*); 01(một) chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng; 01(một) chiếc áo khoác màu đen, trong thân áo gắn mác in chữ ITIT size M;

- 01(một) chiếc khẩu trang y tế màu xanh; 01(một) khẩu trang sọc màu xanh đen, nâu trắng; 01(một) chiếc mũ len màu đỏ, trên mũ có in chữ FORZA MILAN;

- 01(một) túi màu xanh in chữ Vietcombank; 01(một) túi nilon màu đỏ cũ;

- 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã qua sử dụng, số Imei: 301014149137074; bên trong có 02 thẻ Sim Mobifone gồm một thẻ Sim đã bị cắt và một thẻ Sim có dãy số 8401 1811 2412 6536;

- 01(một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, mặt trước điện thoại bị nứt, vỡ; số IMEI: 354453067423262; bên trong có 01 thẻ sim Mobifone có dãy số 8401 1811 2412 8096.

Anh Đào Đình Th giao nộp: 01 (một) chiếc USB bên trong lưu đoạn video ghi lại hình ảnh 01 nam thanh niên đột nhập vào phòng làm việc của anh Th để lục lọi đồ đạc, tài sản vào khoảng 02 giờ 30 ngày 07/10/2018.

Chị Nguyễn Thúy H giao nộp: 01(một) chiếc kéo dài 18cm, chuôi kéo bằng nhựa màu đỏ, kéo có hai đầu nhọn, trên thân kéo có chữ “*deli STAINLESS*”.

Anh Lê Quý Đ giao nộp: 60.000.000 đồng; 01(một) Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 26/10/2018;

Anh Lê Khương D giao nộp: 120.000.000 đồng; 02 (hai) Giấy vay tiền đề ngày 03/8/2018 và ngày 25/8/2018;

Ngày 17/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu, cụ thể:

- Trả lại cho ông Đào Đình Th: 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thúy H: 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*).

Ngày 15/5/2019, bị cáo T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 124.934.000đ (*một trăm hai bốn triệu chín trăm ba bốn nghìn đồng*) để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của Tuyền gây ra đối với các bị hại trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu, cụ thể:

- Trả lại cho anh Đào Đình Th: 914.000đ(*chín trăm mười bốn nghìn đồng*);

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị S: 9.690.000đ (*chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*);

- Trả lại cho ông Nguyễn Xuân H: 14.000.000đ (*mười bốn triệu đồng*);

- Trả lại cho bà Nguyễn Thúy H: 68.330.000đ(*sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*);

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn N: 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*);

- Trả lại cho ông Lê Văn Tr: 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

Đối với chiếc chìa khóa bằng kim loại màu trắng; chiếc tuốc novít; áo dài tay (*áo của lực lượng An ninh nhân dân*); áo phông màu trắng dài tay: Vào ngày 16/02/2019 trên đường đi từ trụ sở Công an tỉnh H về nhà, T đã vứt đi không xác định được địa điểm nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS-P3 ngày 30/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về Tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có quan điểm: Đã nhận lại đủ số tiền mà bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử, Tuyên bố: Nguyễn Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Ngọc T từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường hết số tiền cho các bị hại, các bị hại không ai có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm nên không xem xét; Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật

hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó là: Lời khai của những người bị hại; các biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường; phù hợp với các tệp tin video hình ảnh thu tại hiện trường do anh Th giao nộp; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các anh Lê Khương D và Lê Quý Đ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Ngọc T là cán bộ Phòng an ninh đối nội - Công an tỉnh H, do cần tiền để tiêu sài nên đã đột nhập vào phòng làm việc của một số cán bộ Công an tỉnh H để trộm cắp tài sản, trong khoảng thời gian từ ngày 25/8/2018 đến ngày 26/01/2019, Nguyễn Ngọc T đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản tại trụ sở làm việc của Công an tỉnh H, chiếm đoạt được tổng số tiền là 304.934.000 đồng của các bị hại là: anh Đào Đình Th, chị Nguyễn Thúy H, chị Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn N, ông Lê Văn Tr, ông Nguyễn Xuân H đều là những cán bộ của Công an tỉnh H.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản; số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 200.000.000đ nhưng dưới 500.000.000đ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Ngọc T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến 01/2019, bị cáo đã thực hiện 07 lần trộm cắp chiếm đoạt tổng số tiền 304.934.000đ của các cán bộ Công an tỉnh H. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là chiến sỹ Công an nhân dân với nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, lẽ ra bị cáo phải là người

gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhưng bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với chính đồng chí, đồng đội của mình. Hành vi của bị cáo không những làm xấu hình ảnh của người chiến sỹ Công an nhân dân mà còn gây hoài nghi thiếu tin tưởng của nhân dân về người chiến sỹ Công an. Công an tỉnh H là cơ quan thực thi pháp luật và trấn áp tội phạm nhưng bị cáo lại ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội tại đây, thể hiện thái độ coi thường, bất chấp pháp luật. Do vậy, phải xử bị cáo một mức hình phạt nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản và mỗi lần đều đủ yếu tố cáo thành tội trộm cắp tài sản, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã bồi thường, khắc phục được toàn bộ hậu quả; người bị hại là chị H, anh N và anh Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nhận tội và khai ra những lần trộm cắp khác của bị cáo mà chưa bị phát hiện, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự nhân đạo nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi, lẽ ra phải phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không có tài sản gì lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Đối với các anh Lê Khương D và Lê Quý Đ đã cho bị cáo T vay tiền và đều không biết, không liên quan gì đến hành vi trộm cắp tài sản của T; sau khi được Cơ quan Công an thông báo về việc các khoản tiền 120.000.000 đồng và 60.000.000 đồng mà T mang đến trả nợ là tiền do T trộm cắp mà có, anh D và Đ đã tự nguyện giao nộp các khoản tiền này để phục vụ công tác điều tra. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các anh D và Đ.

Đối với yêu cầu của các anh D, Đ yêu cầu bị cáo T phải trả các anh số tiền mà bị cáo đã vay trước đó. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là quan hệ dân sự giữa bị cáo và các anh D, Đ, nếu các bên không thỏa thuận, thống nhất được thì các anh D, Đ có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi được số tiền 180 triệu đồng do các anh Lê Khương D và Lê Quý Đ tự nguyện giao nộp. Đây là số tiền sau khi bị cáo trộm cắp đã trả nợ cho anh D và anh Đ; bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền trộm cắp còn lại là 124.934.000đ để khắc phục hậu quả. Cơ

quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại tiền cho những người bị hại là có căn cứ. Những người bị hại đã nhận đủ số tiền bị mất và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bên trong có 02 sim của T, liên quan đến hành vi phạm tội, nên tịch thu, cho phát mãi, sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng của T, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 02 chiếc áo sơ mi dài tay, 02 chiếc quần dài, 01 đôi tất Công an màu xanh, 02 đôi giày da màu đen, 01 chiếc áo khoác màu đen, 02 chiếc khẩu trang, 01 chiếc mũ len màu đỏ, 01 túi màu xanh in chữ Vietcombank, 01 túi nilon màu đỏ, 01 chiếc kéo, 01 chiếc hộp kim loại có in chữ Lipton. Xét thấy, đây là những vật liên quan đến hành vi phạm tội và vật dụng cá nhân không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2019.

Hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, phát mãi sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có 02 thẻ sim Mobifone thu của bị cáo Nguyễn Ngọc T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng, bên trong có 01 sim Mobifone.

- Tịch thu, cho tiêu hủy:

+ 01 chiếc áo sơ mi dài tay kẻ, sáng màu; 01 chiếc quần dài màu xanh Cảnh sát; 01 chiếc mũ len màu đỏ; 01 đôi tất Công an màu xanh; 01 chiếc khẩu trang y tế màu xanh; 01 đôi giày da màu đen trong giày có in mác có chữ “Công ty 19-5 BCA SX năm 2017”, có trong 01 niêm phong, bên ngoài có 06 chữ ký

và 06 dấu niêm phong của Phòng An ninh đối nội - Công an tỉnh Hưng Yên (kí hiệu M1).

+ 01 đôi giày da màu đen, trong lòng giày có ghi chữ Savato Fashion; 01 túi màu xanh in chữ Vietcombank; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 chiếc áo khoác màu đen; 01 khẩu trang sọc màu xanh đen, nâu trắng; 01 túi nilon màu đỏ cũ, có trong 01 niêm phong, bên ngoài có 09 chữ ký và 08 dấu niêm phong của Phòng An ninh đối nội - Công an tỉnh Hưng Yên (kí hiệu M2).

+ 01 chiếc quần ngành An ninh, cặp quần có gắn mác “Công ty 19-5 BCA trang phục hè 2016”

+ 01 chiếc kéo dài 18cm, chuôi kéo bằng nhựa màu đỏ;

+ 01 chiếc hộp kim loại có in chữ Lipton có KT (15x09x06)cm.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS-P3 ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC02- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Biều